TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 538/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thi Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: không tham gia phiên tòa**.**

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 883/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa:

*1. Nguyên đơn:*ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: 38/5 khu phố X, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: bà Hoàng Thị Kiều Tố Quỳnh C, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: 38/5 khu phố X, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 28/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị Kiều Tố Quỳnh C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Cả hai vợ chồng đã ngồi lại với nhau để cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng

không thành, ông T đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn. Ngày 25/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ttheo bản án số 844/2019/HNST. Từ đó đến nay, vợ chồng ông T, bà C vẫn không hàn gắn được tình cảm, không thể đoàn tụ nên ông T tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hoàng Thị Kiều Tố Quỳnh C.

Về con chung: ông Nguyễn Hữu T và bà Hoàng Thị Kiều Tố Quỳnh C có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y1, sinh ngày 02/6/2013 và Nguyễn Ngọc Cát T1, sinh ngày 25/12/2016. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy khai sinh 02 trẻ, bản sao chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông T, Đơn xác nhận nơi cư trú của bà C.

Bị đơn bà Hoàng Thị Kiều Tố Quỳnh C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ đơn xin xác nhận ngày 24 tháng 2 năm 2021 của Công an thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn xác nhận bị đơn là bà Hoàng Thị Kiều Tố Quỳnh C hiện đang cư ngụ tại thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Hóc Môn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà C vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bà C. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: ông Nguyễn Hữu T và bà Hoàng Thị Kiều Tố Quỳnh C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Hóc Môn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140 ngày 03 tháng 7 năm 2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng theo lời trình bày của ông Tlà do trong quá trình chung sống không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng ông và bà Châu vẫn không hòa giải được. Năm 2017, ông Tđã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn. Ngày 25/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ttheo bản án số 844/2019/HNST. Cho đến nay, vợ chồng ông Thọ, bà Châu vẫn không hàn gắn được tình cảm, không thể đoàn tụ nên ông Ttiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hoàng Thị Kiều Tố Quỳnh C. Về phía bà Châu, trong suốt quá trình tố tụng bà Châu không đến Tòa để tham gia các phiên hòa giải và xét xử tại Tòa án, từ đó cho thấy rằng bà Châu đã không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Thọ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Tvà bà Châu là có xảy ra và đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tlà hoàn toàn phù hợp.

- Về con chung: ông Nguyễn Hữu T và bà Hoàng Thị Kiều Tố Quỳnh C có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 02/6/2013 và Nguyễn Ngọc Cát Tường, sinh ngày 25/12/2016. Hiện tại 02 trẻ đang sống với ông Thọ. Để ổn định tâm lý và môi trường sống của hai trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục giao quyền trực tiếp nuôi hai con chung cho ông Nguyễn Hữu T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của ông Tvề việc tạm thời không yêu cầu bà Châu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông Tkhông tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: ông Txác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: cần buộc ông Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147, Điều 150 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Luật phí và Lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 150, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

- Về quan hệ vợ chồng: ông Nguyễn Hữu T được ly hôn với bà Hoàng Thị Kiều Tố Quỳnh C. Giấy chứng nhận kết hôn số 140 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Hóc Môn cấp ngày 03 tháng 7 năm 2015 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: có 02 trẻ tên Nguyễn Ngọc Như Y1 sinh ngày 02/6/2013 và Nguyễn Ngọc Cát T1, sinh ngày 25/12/2016. Sau khi ly hôn, giao 02 con chung tên Như Y1 và Cát T1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc tạm thời không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: ông T xác định không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Nguyễn Hữu T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0076216 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Ông T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- CCTHADS huyện Hóc Môn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thanh Thủy